

Bài 1

I. KHÁI NIỆM

1. Công tác xã hội trường học nhằm:

- ❖ Hỗ trợ ban giám hiệu và giáo viên giải quyết các trường hợp cá biệt.
- ❖ Tạo mối liên hệ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng

Nguyễn Thị Oanh, *Công tác xã hội đại cương*, NXB Giáo dục, 1999

CTXH trường học là một lĩnh vực thực hành chuyên biệt của CTXH. NVXH mang những kiến thức và kỹ năng được đào tạo bài bản đến hệ thống trường học và những nhóm dịch vụ dành cho học sinh. CTXH trường học được thiết lập nhằm tạo ra những bước tiến xa hơn trong mục tiêu giáo dục: xây dựng một môi trường giảng dạy, học tập, việc thực hiện nhân quyền cũng như sự tự tin cho học sinh. Các trường học cần NVXH để nâng cao khả năng đáp ứng nhiệm vụ đào tạo ; đặc biệt là sự hợp tác của gia đình – nhà trường – xã hội là chìa khóa để các trường hoàn thành sứ mệnh này”

(School Social Work Association of America, 2005)

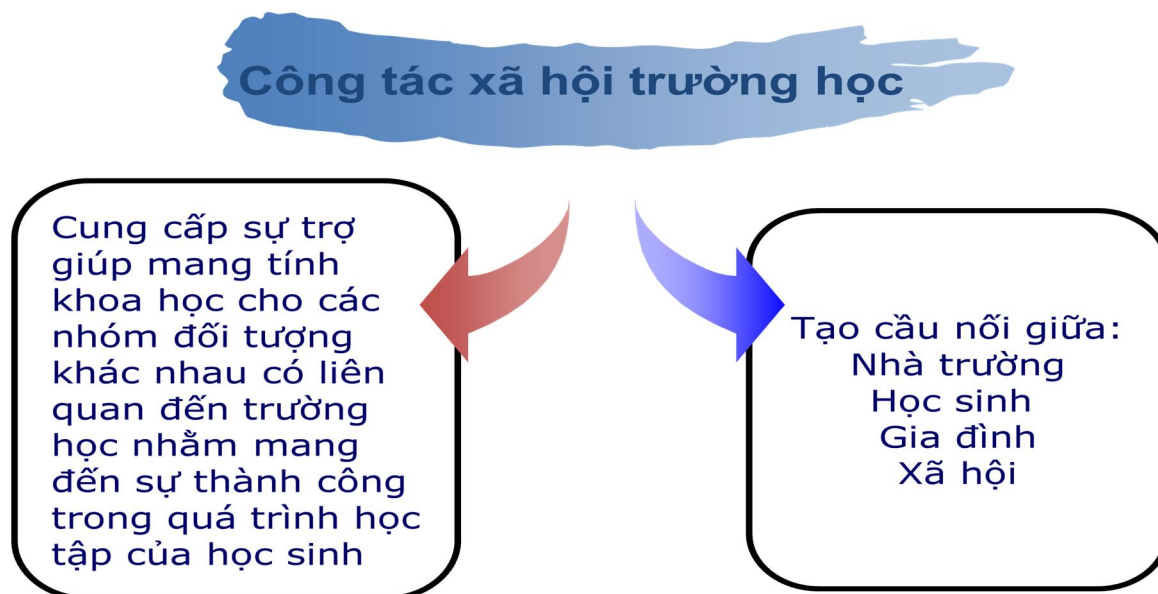
❖ CTXH và trường học được gắn kết một cách gần gũi. Đó là “Giáo dục tại các trường học và công tác xã hội cùng chia sẻ một mối quan tâm chung về các vấn đề xã hội mà học sinh và gia đình đang gặp phải”. Nhiều học sinh gặp khó khăn trong hoạt động phát triển và công tác xã trường học là một trong những lĩnh vực nhằm phát hiện ra những vấn đề khó khăn ấy để giúp đỡ những học sinh này vượt qua theo cách chuyên nghiệp

Introduction to social work- ten edition, O.William Farly, Larry Lorenzo Smith, Scott W.Boyle , University of Utah, 2006

❖ Công tác xã hội trong môi trường học đường là một lĩnh vực trong cách tiếp cận chuyên nghiệp để từ đó thấu hiểu và cung cấp sự trợ giúp cho những học sinh chưa thể sử dụng khả năng học tập của mình một cách đầy đủ nhất ,hoặc những vấn đề

của học sinh - như những đòi hỏi dịch vụ đặc biệt - cho phép các em có được những cơ hội giáo dục cho mình. Một điều quan trọng của những dịch vụ này chính là nhấn mạnh đến việc đưa vào các biện pháp ngăn ngừa mang tính tự nhiên.

Council on social work Education, Description of practice statement for school social work (New York: the Council, 1969), p 1



II. **Đối tượng của công tác xã hội trường học**

❖ Bản thân CTXH trường học là một lĩnh vực đặc biệt của thực hành ở trong một chỉnh thể thống nhất của CTXH chuyên nghiệp. Vì thế đối tượng của CTXH trường học cũng sẽ mang những đặc điểm cơ bản của CTXH

❖ Đối tượng của CTXH như một khoa học chính là các hoạt động xã hội đặc thù nhằm vào các cá nhân, nhóm cộng đồng xã hội cần được giúp đỡ để khôi phục, ngăn chặn các chức năng bị suy thoái, hướng tới việc tự giải quyết các vấn đề xã hội của bản thân, sống hoà nhập với đồng loại.

❖ CTXH trong trường học nhắm đến là để tìm ra biện pháp và cách giúp đỡ những học sinh có “vấn đề” trong học tập và trong cuộc sống, xúc cảm và rối loạn hành

vi hay có những suy nghĩ không thực tế; cung cấp những cơ hội học tập tối đa, phát triển tiềm năng của chúng và chuẩn bị hành trang sống cho sự phát triển toàn diện của học sinh. Ngoài ra còn ngăn chặn những chức năng bị suy thoái và hướng tới việc giúp các em tự giải quyết được vấn đề của mình và hoà nhập vào môi trường học đường, gia đình và xã hội, sống tốt hơn và lành mạnh hơn

❖ CTXH học đường còn hướng tới những nhóm đối tượng khác ngoài học sinh như gia đình, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục nhằm mục đích xác định đúng vai trò của những nhóm đối tượng này trong việc giáo dục trẻ em

III. Khách thể của công tác xã hội trường học

Bao gồm 4 nhóm đối tượng với sự trợ giúp khác nhau:

- ❖ Học sinh
- ❖ Phụ huynh học sinh
- ❖ Thầy cô giáo
- ❖ Cán bộ quản lý giáo dục

IV. Vai trò của công tác xã hội trường học

1. Lập và thực hiện các kế hoạch can thiệp nhận thức – hành vi

- ❖ Tìm hiểu thông tin liên quan đến vấn đề của đối tượng
- ❖ Sử dụng công cụ đánh giá những cảm xúc, hành vi không đúng gây ra những vấn đề cho đối tượng
- ❖ Xác định những yếu tố dẫn đến hành vi không đúng
- ❖ Cùng nhóm cộng tác lên kế hoạch hỗ trợ giúp đối tượng nhận thức phát triển cảm xúc tích cực và dẫn đến thay đổi hành vi
- ❖ Hỗ trợ học sinh thực hiện kế hoạch can thiệp
- ❖ Giám sát và thường xuyên theo dõi sự tiến bộ của phương pháp can thiệp. trong trường hợp cần có chỉnh sửa để phù hợp hơn với đối tượng thì cần bàn bạc và thay đổi phương pháp can thiệp hiệu quả hơn
- ❖ Đánh giá hiệu quả của kế hoạch thay đổi hành vi

2. Quản lý ca đảm bảo đối tượng nhận được các dịch vụ, các cơ hội trị liệu và giáo dục

- Đánh giá tình hình, thu thập thông tin thông qua mẫu đơn tiếp nhận của đối tượng, gia đình đối tượng
- Xác định các chương trình, dịch vụ sẵn có trong trường học và cộng đồng
- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ, tiếp cận các nguồn lực, có thể là kết nối đối tượng đến các dịch vụ hỗ trợ tâm lý xã hội và giáo dục hay cả hỗ trợ tài chính khác
- Giám sát và đánh giá hiệu quả các chương trình, dịch vụ đã được kết nối với cộng đồng

3. Can thiệp khủng hoảng đối với những đối tượng bị khủng hoảng

- Đánh giá tình hình, tìm hiểu thông tin về đối tượng
- Lên kế hoạch trị liệu giúp đối tượng vượt qua khủng hoảng
- Kết nối đối tượng với những nguồn lực trường học, gia đình và cộng đồng để hỗ trợ đối tượng vượt qua khủng hoảng
- Trang bị cho đối tượng một số kỹ thuật thư giãn đơn giản và kế hoạch cụ thể khi gặp lại tình huống gây khủng hoảng
- Có kế hoạch theo dõi đối tượng sau khi trị liệu

4. Tham vấn cá nhân

- Thu thập thông tin, đánh giá nhu cầu đối tượng (thường xuyên việc đánh giá qua những thông tin thu thập được từ đối tượng, những người liên quan và cả những nhận xét từ các nhà chuyên môn khác trong trường học)
- Xác định các mục tiêu hỗ trợ đối tượng vượt qua những khó khăn về tâm lý xã hội
- Cùng đối tượng xây dựng kế hoạch trị liệu từng bước đạt được các mục tiêu cá nhân
- Theo dõi và hỗ trợ đối tượng thực hiện kế hoạch trị liệu
- Ghi chép tiến trình các buổi tiếp xúc, tham vấn đối tượng

- Đánh giá hiệu quả quá trình hỗ trợ và kết thúc tham vấn cho đối tượng khi vấn đề của đối tượng đã được giải quyết

5. Tham vấn nhóm

- Thu thập thông tin, đánh giá những vấn đề học sinh cần tham vấn
- Tổ chức nhóm đối tượng, trang bị cho các em những chỉ dẫn, cách thức hoạt động
 - Xây dựng kế hoạch trị liệu thông qua các buổi sinh hoạt nhóm
 - Xác định các chủ đề sẽ trang bị cho các em thông qua tham vấn nhóm: kiểm soát giận dữ, tình bạn, kỹ năng giao tiếp xã hội, xây dựng kế hoạch cá nhân
 - Thực hiện các buổi sinh hoạt nhóm: điều phối, hướng dẫn, tạo cơ hội để các thành viên trong nhóm tham gia, tăng cường kỹ năng xã hội, phát huy hết tiềm năng sẵn có của mình
 - Điều phối, kết hợp các nguồn lực sẵn có để giúp các thành viên trong nhóm phát triển, nâng cao năng lực cá nhân để phát triển lành mạnh
 - Đánh giá hiệu quả và kết thúc tham vấn nhóm khi đạt được mục tiêu đề ra

6. Phòng chống tự tử

- Theo dõi, phát hiện những đối tượng bị trầm cảm và có nguy cơ dọa tự tử (thay đổi tính cách đột ngột, có nói hoặc viết sẽ tự tử, thất vọng, không tin tưởng vào tương lai, có tiền sử dọa tự tử, có sở hữu vũ khí, chất gây nghiện, thường xuyên mất ngủ....)
- Đánh giá nguy cơ dọa tự tử từ những thông tin thu được qua quá trình theo dõi. Xác định liệu đối tượng đã có kế hoạch tự tử chưa?Đánh giá mức độ nguy cơ đối tượng thực hiện kế hoạch tự tử...
 - Liên hệ với cha mẹ hay người giám hộ của đối tượng để cùng hỗ trợ giúp đối tượng. Luôn phân công không để đối tượng một mình có điều kiện thực hiện tự tử

- Cùng gia đình theo dõi, đảm bảo mọi mối nguy hại dẫn đến hành vi tự tử đã bị loại bỏ
- Hỗ trợ đối tượng quay lại các hoạt động thường ngày và lấy lại niềm tin, hy vọng sống

7. Tổ chức các chương trình kỹ năng sống và tuyên truyền sống lành mạnh trong các lớp học của học sinh

- Đánh giá nhu cầu trang bị kiến thức về kỹ năng sống hay lối sống lành mạnh cho các lớp học
- Lên kế hoạch thực hiện các chương trình giáo dục này: Đào tạo một nhóm học sinh nòng cốt trang bị cho các em kiến thức, kỹ năng trình bày, hướng dẫn các em chuẩn bị phần trình bày, phương pháp, cách thức thực hiện
- Hỗ trợ nhóm học sinh nòng cốt thực hiện kế hoạch thích hợp với giáo viên chủ nhiệm hoặc tổ chức đoàn hội, hội phụ huynh học sinh
- Đánh giá hiệu quả của hoạt động

8. Tổ chức các hoạt động lôi cuốn học sinh tham gia quá trình học tập (ngăn chặn hiện tượng bỏ học)

- Thu thập thông tin, đánh giá thực trạng hoạt động dạy và học ở trường, từ đó tìm kiếm nguyên nhân dẫn đến hiện tượng bỏ học
- Lên kế hoạch các chương trình can thiệp: cải thiện mối quan hệ thầy – trò; các chương trình dạy tốt – học tốt; văn hóa, văn nghệ giao lưu thu hút sự quan tâm của học sinh vào các hoạt động của trường...; tìm kiếm các nguồn lực hỗ trợ học sinh học tập
- Cùng thực hiện các chương trình can thiệp
- Đánh giá, có đề xuất phù hợp lên Ban giám hiệu kể cả những đề xuất về chương trình, chính sách của trường

9. Tổ chức các chương trình hỗ trợ và kết hợp gia đình

- Thu thập thông tin, đánh giá nhu cầu và khả năng thực hiện của gia đình học sinh
- Cùng gia đình lên kế hoạch thực hiện chương trình tạo môi trường gia đình hỗ trợ tốt nhất có thể cho con em họ làm tốt các hoạt động tại trường học.
- Theo dõi, điều phối sự tham gia của các gia đình, tổ chức thực hiện các chương trình tại gia đình và tại trường học
- Huy động sự hỗ trợ của nhà trường và các tổ chức của phụ huynh học sinh và các chương trình hỗ trợ gia đình
- Tìm kiếm các giải pháp hỗ trợ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn (có thể là về tài chính...) để gia đình khắc phục được khó khăn
- Thực hiện những chuyến đi thăm gia đình để đánh giá tình hình và hỗ trợ gia đình thực hiện kế hoạch cũng như giám sát quá trình gia đình tạo môi trường tốt nhất để trẻ em được học tập

10. Giải quyết các xung đột trong nhà trường (trong cả cán bộ, giáo viên và trong cả học sinh)

- Tiếp cận các xung đột, tìm kiếm thông tin, phân tích tình hình
- Cùng đối tượng xác định vấn đề, nguyên nhân gây xung đột
- Cùng đối tượng phân tích, lựa chọn giải pháp giải quyết xung đột
- Theo dõi, giám sát, hỗ trợ thực hiện giải pháp (bao gồm cả việc tập hợp những nỗ lực bên trong và bên ngoài vào thực hiện giải pháp)
- Duy trì môi trường giáo dục trong sạch và lành mạnh trong cả cán bộ, giáo viên và trong cả học sinh

V. Các giá trị của công tác xã hội trường học

- ❖ Mỗi học sinh đều được xem như là một cá nhân có những đặc thù riêng biệt và những khác biệt cá nhân này cần được thừa nhận.
- ❖ Mỗi học sinh đều được quyền tham dự vào tiến trình học tập.

❖ Mỗi học sinh đều có quyền bình đẳng, được đối xử ngang bằng trong học đường, thụ hưởng các cơ hội giáo dục như nhau và các kinh nghiệm được học tập phải phù hợp với nhu cầu của từng học sinh.

❖ Tiến trình học tập không chỉ nhằm cung cấp công cụ để thu thập kiến thức trong tương lai mà còn là một thành phần cốt lõi cho việc phát triển sức khỏe tinh thần của trẻ em.

VI. Mục tiêu của công tác xã hội trường học

❖ Tác nhân của sự thay đổi nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho học sinh, tạo cho học sinh một động lực để thành công.

❖ Sự thành công này thể hiện rõ trong môi trường học đường, trong mối quan hệ với giáo viên và gia đình học sinh.

❖ Một sự thành công khi công tác xã hội trong trường học kết nối được gia đình, nhà trường và xã hội để cùng chăm lo cho học sinh.

❖ Công tác xã hội trường học ứng dụng các nguyên tắc và phương pháp của chuyên ngành công tác xã hội vào mục đích chính trong trường học, chú trọng đến sự thay đổi hành vi của học sinh.

❖ Nhân viên xã hội tại trường học cần lưu ý rằng sự mất quân bình của học sinh là kết quả của sự tương tác giữa các đặc trưng của cá nhân học sinh với các điều kiện và hoạt động diễn ra trong môi trường gia đình và trường học.

❖ Cho rằng trí thông minh của trẻ mang tính cố định, không thay đổi là một sai lầm. Môi trường gia đình và trường học có ảnh hưởng đến mức độ của trí thông minh của trẻ và sự thành đạt trong học tập cũng như trong tương lai. Thành tựu đạt được đầu tiên ở trường học là điều cốt lõi cho thành tựu đạt được sau này. Tất cả trẻ em đều có khả năng học tập; điều quan trọng là phân tích kỹ năng theo học và mức độ hưng phấn của từng trẻ và áp dụng cách thức giảng dạy phù hợp với từng trẻ.

VII. Lịch sử phát triển của công tác xã hội trường học

Những sự kiện chính trong lịch sử phát triển công tác xã hội trường học

❖ Năm 1906 – 1907: Dịch vụ công tác xã hội trường học bắt đầu hoạt động độc lập tại các trường học tại New York, Boston và Hartford trong nỗ lực hỗ trợ chương trình xoá mù chữ trong các gia đình ở Mỹ

❖ Năm 1913: Năm 1913, Rochester, New York, trở thành hệ thống trường học đầu tiên trong cả nước Mỹ tiến hành một chương trình công tác xã hội trường học.

❖ Năm 1921: Hiệp hội quốc gia của những giáo viên vãng gia được thành lập

❖ Năm 1923: Quỹ cộng đồng các quốc gia độc lập đã tăng sự trợ giúp về tài chính cho các nhân viên xã hội trường học làm việc trực tiếp với các thanh thiếu niên phạm pháp. Quỹ này đã thuê 30 nhân viên CTXH trường học ở 20 vùng khác nhau trên đất nước Mỹ để làm việc này

❖ Năm 1945: Văn phòng giáo dục Hoa Kỳ thừa nhận tính chuyên nghiệp của NVXH trường học bằng việc cấp chứng nhận Thạc sĩ CTXH

❖ Năm 1955: Hiệp hội quốc gia CTXH xin văn bản pháp luật để hoạt động CTXH trường học được tách ra hoạt động độc lập

❖ Năm 1959: CTXH trường học chính thức đi vào hoạt động trong Ủy ban Giáo dục Hoa Kỳ

❖ Năm 1969: Hội thảo quốc tế “ thay đổi xã hội và công tác xã hội trường học” được tổ chức đầu tiên tại trường đại học Pennsylvanian và kết quả của hội thảo này được viết thành sách “the school in the community” (1972)

❖ Năm 1973: Hội đồng các tổ chức CTXH thế giới về CTXH trong trường học lần đầu tiên gặp gỡ nhau nhóm họp.

❖ Năm 1975: mô hình thực hành CTXH trường học trong mối quan hệ giữa gia đình – nhà trường- cộng đồng của Costin chính thức được xuất bản

❖ Năm 1976: Hiệp hội quốc gia CTXH lần đầu tiên xây dựng bộ quy chuẩn dành cho NVXH trường học trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của hoạt động ngăn ngừa

❖ Năm 1986: Hiệp hội quốc gia CTXH trường học toàn cầu tổ chức hội thảo quốc tế “Giáo dục hội nhập trong quá trình chuyển đổi” tổ chức ở New Orleans với kết quả là việc xuất bản “Thành quả của giáo dục hội nhập với trẻ em gặp rủi ro”

❖ Năm 1992: Bộ tiêu chuẩn về NVXH trường học được NASW sửa lại Nhiệm vụ đặc biệt từ cam kết giáo dục

❖ Năm 1994: NASW khởi xướng hoạt động CTXH trường học như là khu vực hoạt động thực tiễn đầu tiên

❖ Năm 1994: Hiệp hội CTXH trường học Hoa Kỳ chính thức được thành lập, tách khỏi NASW

❖ Các dịch vụ công tác xã hội học đường được đưa vào trường học ở Anh vào năm 1871, sau đó là các trường học tại New York, Boston và Hartford vào năm 1906 trong nỗ lực hỗ trợ chương trình xoá mù chữ trong các gia đình ở Mỹ

❖ Lúc ban đầu nó chỉ là một hoạt động riêng lẻ. Những nhân viên xã hội trường học được các tổ chức, cơ quan cộng đồng cấp vốn cho hoạt động, bắt nguồn từ sự tin tưởng rằng các trường học công là những nơi hợp pháp cho sự can thiệp sớm này

❖ Năm 1913, Rochester, New York, trở thành hệ thống trường học đầu tiên trong cả nước Mỹ tiến hành một chương trình công tác xã hội trường học.

❖ *Đây là bước đầu tiên trong cố gắng tiếp cận với nhu cầu của hệ thống trường học đã được thiết lập từ một số thời điểm. Một sự thật không thể tranh cãi là ở môi trường bên ngoài trường học có sức mạnh cảm dỗ trẻ em lớn và sẽ cản trở những nỗ lực từ phía trường học. Sự gặp gỡ của một “giáo viên vãng gia (visiting teacher)” là một cố gắng của trường học nhằm đáp ứng trách nhiệm của mình cho toàn bộ sự bảo trợ xã hội đối với trẻ em. Và điều này được đảm bảo trong sự hợp tác tối đa của mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường.*

❖ Tiên thân của tên gọi Nhân viên xã hội trường học là các “giáo viên vãng gia”. Các giáo viên này tham dự vào những trường học để giới thiệu và tiến hành

những cuộc kiểm tra chỉ số tâm lý cho học sinh. Thời đại IQ cũng bắt đầu được khai sinh

❖ Sự can thiệp không chỉ trong việc giáo dục mà cả lĩnh vực an sinh xã hội. Chương trình thực hiện nhằm loại bỏ những điều không thích hợp được thúc đẩy trong cộng đồng chung, và một số bang đã ra sắc lệnh cho phép việc loại bỏ những sự thiếu thông minh. Nghiên cứu chính hướng đến tội phạm, nghiện hút và lệch lạc xã hội được nhấn mạnh trong kết quả của bài test tâm lý.

❖ Thuật ngữ “**giáo viên vắng gia**” tiếp tục được thịnh hành trong nhiều thập niên. Nó có nghĩa là những người đại diện cho cơ quan trường học - người rời khỏi trường thay mặt cho học sinh - tiếp xúc, giải quyết những vấn đề quyết những vấn đề với cha mẹ học sinh và có sự can thiệp vào cộng đồng. Nền tảng chính của sự xuất hiện sớm những “giáo viên vắng gia” là cố gắng để cải thiện những tình huống đang gây xáo trộn cho học sinh từ những môi trường học tập khác (học tại gia đình, cộng đồng...)

❖ Nhiều hoạt động phù hợp với triết lý của Cải cách Era, tức là trường học công cộng là chìa khoá giúp việc truyền đạt thông tin đến công dân được tăng lên nhanh chóng. Điều đó thật sự cần thiết cho một nền chế độ dân chủ. Giáo dục được xem như là tác nhân của cải cách xã hội, luật lao động trẻ em ban hành năm 1916 đề ra việc bảo vệ trẻ em như là một kỳ tích và bảo đảm cho học sinh những khả năng được học tập và đứng ra can thiệp nếu cha mẹ học sinh gây cản trở việc học của học sinh. Sự chi tiết của đạo Luật này sẽ góp phần làm tăng lên số học sinh tham gia vào các lớp học.

❖ Năm 1918, gia đình Harkness đã thiết lập “**Quỹ cộng đồng các quốc gia độc lập**” để “chung tay bảo đảm sự bảo trợ xã hội cho con người”. Một trong những tầm quan trọng chính của Quỹ này là nhằm ngăn chặn tội phạm vị thành niên. Mục tiêu xa hơn là vào năm 1921, quỹ cộng đồng các quốc gia độc lập đã cung cấp tiền hoạt động cho 30 giáo viên vắng gia (giáo viên tình nguyện xã hội) tham gia, cộng tác với

những dự án tại những vùng khác nhau xuyên suốt Hoa Kỳ. Những dự án này đã cung cấp rất nhiều tiện ích cho sự phát triển của CTXH trường học.

❖ Suốt thời kỳ dài của khủng hoảng kinh tế trong những năm 30 của thế kỷ 20 đã có một vài chuyển biến về số lượng nhân viên xã hội học đường. Nhưng sự phát triển chậm lại của mô hình này lại được khôi phục theo sau chiến tranh thế giới thứ II. Vào năm 1968, Costin thừa nhận rằng điểm mạnh của CTXH học đường là các trung tâm tham vấn và trị liệu thiên về “nghiên cứu hoàn cảnh, thân thể gia đình của cá nhân”

❖ Paula Allen Meares công nhận hoàn toàn nghiên cứu của Costin vào giữa những thập niên 70 và tìm thấy rằng sự chuyển biến từ tầm quan trọng của việc khám và điều trị với hoàn cảnh và thân thể cá nhân sang “tiếp xúc giữa cộng đồng - gia đình – nhà trường và tham vấn giáo dục với học sinh, phụ huynh học sinh”. Một cách chính xác, vai trò của nhân viên xã hội học đường là uốn nắn một cách rộng lớn bởi pháp chế giáo dục đặc biệt, điều mà yêu cầu rằng những học sinh có được một sự nhận biết và nhiều định mức đưa vào kỷ luật để xác định những dịch vụ giáo dục đặc biệt, cái mà có đủ điều kiện để được chọn.

❖ Vào giữa những năm của thập niên 80, những nhân viên xã hội học đường ở những vùng thôn quê và một vài thị trấn nhỏ đã ý thức được cuộc khủng hoảng nông trại và sự khủng hoảng này có liên quan đến những học sinh mà họ phục vụ. Trong suốt cơn bão sa mạc, những nhân viên xã hội học đường đã cung cấp những nhóm phục vụ để giúp đỡ học sinh hiểu được vấn đề này và còn đối phó với chiến tranh. Ngày nay, xã hội đã xuất hiện thêm khá nhiều vấn đề cần giải quyết như AIDS, vô gia cư, bạo hành....mà CTXH học đường thực hành cần giải quyết.

❖ Trong những thập kỷ tiếp theo, nhân viên xã hội trường học tăng nhanh với số lượng lớn trên khắp đất nước để đáp ứng với những thay đổi và nhu cầu xã hội. Luật phổ cập giáo dục, như một ví dụ, đã thu hút sự chú ý của những người lao động

hiều đến sự cần thiết của ảnh hưởng giữa đói nghèo và sức khỏe người nghèo đến sự hiện diện của học sinh trong nhà trường.

❖ Công tác xã hội trường học sẽ rút ra tính hợp pháp và chức năng của mình từ khả năng thực hiện công tác giáo dục cho các nhóm trẻ em chưa ngoan tham gia vào. Lịch sử của CTXH trường học phản ánh sự nhận thức về phát triển giáo dục, và trong xã hội, của các nhóm trẻ mà giáo dục chưa được hiệu quả: người nhập cư, những người nghèo khổ, các mặt kinh tế và xã hội bị áp bức, các quá hạn, những bất khoan trong cuộc sống và cả những người khuyết tật

BÀI 2:

I. NHỮNG LUẬN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CTXH TRƯỜNG HỌC

❖ Công tác xã hội trường học lấy người học làm trung tâm

❖ Công tác xã hội trường học xem trường học như là một hệ thống

❖ Vai trò người nhân viên xã hội trường học như là người tư vấn, tham vấn và định hướng nghề nghiệp cho học sinh

❖ Sự tham gia của cha mẹ vào các hoạt động xây dựng nhà trường

1. . Công tác xã hội trường học lấy người học làm trung tâm

Giáo dục đóng vai trò chủ yếu trong việc gìn giữ, phát triển và truyền bá văn minh nhân loại. Trong thời đại của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật ngày nay, tiềm năng trí tuệ trở thành động lực chính cho sự phát triển thì giáo dục được coi là nhân tố quyết định sự thành bại của mỗi quốc gia trên trường quốc tế và sự thành đạt của mỗi cá nhân trong cuộc sống của mình

Chính vì mục tiêu cao quý như trên, cho nên chúng ta cần phải tập trung hình thành môi trường học tập tốt và thay đổi mô thức giáo dục phù hợp. Mô thức “giáo dục lấy người học làm trung tâm” bắt đầu xuất hiện từ chủ trương đổi mới chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2000-2020 của Bộ giáo dục và đào tạo.

❖ Chương trình và sách giáo khoa thời kỳ này sẽ đảm bảo sự phát triển hài hòa về đức, trí, thể mỹ và các kỹ năng cơ bản, chú ý tới định hướng nghề nghiệp, hình thức và phát triển những cơ sở ban đầu về phẩm chất và năng lực cần thiết cho một người lao động tương lai. Về hình thức dạy học, chuyển từ mô thức “*người dạy làm trung tâm*” sang mô thức “***người học làm trung tâm***” trong việc lĩnh hội kiến thức, xóa bỏ kiểu giáo dục “thầy đọc trò chép” và phát triển tính chủ động, sáng tạo trong học tập của học sinh.

❖ *Người học ở đây chính là những học sinh (từ 5-18 tuổi). Học sinh là những người đang theo học tại nhà trường. Khái niệm này có sự phân biệt về trình độ học vấn của học sinh theo từng cấp (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông), độ tuổi đến trường, đặc điểm tâm sinh lý và sự trưởng thành về nhân cách*



❖ Do đó, cần tập trung hình thành môi trường học tập mới thích ứng với hoàn cảnh hiện đại.

❖ Có bốn khía cạnh chính của môi trường học tập mới đang hình thành:

- Người học
- Trí thức
- Đánh giá
- Cộng đồng

❖ Vai trò người học đã trở thành trung tâm cho quá trình học tập cả đời, việc học không chỉ tiến hành dưới sự chỉ dẫn của thầy mà chủ yếu là tự học, dù ngay trong trường học. Người học cần nắm chắc những cách thức đánh giá hiệu quả việc học của mình, không chỉ dựa vào những đánh giá của giáo viên.

❖ Sau đây là 13 nguyên tắc của lý luận dạy học lấy học sinh làm trung tâm
:

❖ Như vậy CTXH dựa trên quan điểm “lấy người học làm trung tâm” nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của học sinh trong hoạt động học tập thông qua cách nói thể nào là học thành công chứ không phải dạy thành công. Điều đó cho thấy vai trò người học được xem trọng và là chủ thể trong dạy và học.

❖ Như vậy CTXH dựa trên quan điểm “lấy người học làm trung tâm” nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của học sinh trong hoạt động học tập thông qua cách nói thể nào là học thành công chứ không phải dạy thành công. Điều đó cho thấy vai trò người học được xem trọng và là chủ thể trong dạy và học.

2. Công tác xã hội trường học xem trường học như là một hệ thống

Trường học là cơ quan chủ yếu chịu trách nhiệm truyền đạt kiến thức đã được tích lũy bởi xã hội cho thế hệ trẻ. Trường học là một tác nhân quan trọng chính yếu của quá trình xã hội hoá , nó được cấu trúc và tổ chức chặt chẽ nhằm giáo dục, đào tạo ra những nhân cách mà xã hội mong đợi.

Trường học được thiết kế sao cho kiến thức được truyền đạt ở các khoá học mang tính kế thừa nhau. Trong trường, cá nhân không chỉ tiếp thu những tri thức khoa học của các môn học mà còn cả những quy tắc và cách ứng xử không chỉ môn học văn hoá mà còn cả đạo đức và cách thức làm người. Ngoài ra, nhà trường là nhân tố cốt lõi của thiết chế giáo dục với mục tiêu chuẩn bị cho cá nhân nghề nghiệp xã hội, truyền bá chuyển giao di sản văn hoá qua các thế hệ và giúp các em làm quen dần với vai trò phù hợp với mong đợi của xã hội.

Quan điểm của CTXH trường học xem trường học như một hệ thống nhằm xác định tầm quan trọng của môi trường xã hội hoá thứ hai sau gia đình đối với sự phát triển quá trình học tập của học sinh. Trường học là một hệ thống xã hội.

Hệ thống giáo dục cấp trường là một hệ thống xã hội gồm các thành phần khác nhau tạo thành (lớp học, các bộ môn, các phòng chức năng, đội ngũ giáo viên, công nhân viên...). Các bộ phận của hệ thống giáo dục cấp trường tồn tại một cách tương đối độc lập với nhau đồng thời có sự gắn bó mật thiết tạo thành một chỉnh thể có quan hệ hữu cơ với môi trường xung quanh. Đối với các yếu tố của môi trường, hệ thống giáo dục liên tục trao đổi đầu vào - đầu ra với các cá nhân, các tổ chức xã hội (Lê Ngọc Hùng, 2006).

Các nhà xã hội học tiền bối như Marx, Durkheim, Weber đều coi giáo dục là một hệ thống xã hội có tính độc lập tương đối. Hệ thống giáo dục vừa có cấu trúc tổ chức và các chức năng nhất định, vừa có mối liên hệ và tương tác phức tạp với các hệ thống khác và với toàn bộ xã hội.

Hệ thống giáo dục bao gồm hai thành phần : Thành phần vật chất (phần cứng) của hệ thống giáo dục có cấu trúc gồm các bộ phận có thể quan sát được với biểu hiện rõ nhất là đội ngũ giáo viên, học sinh, trường lớp, các phương tiện, thiết bị dạy học ... Thành phần tinh thần (phần mềm) là các thiết chế của giáo dục được biểu

hiện dưới hình thức các hệ giá trị, các quy tắc, các chuẩn mực chính thức, quy định thành văn và bất thành văn trong giảng dạy và học tập

[Lê Ngọc Hùng, 2006].

Với chương trình cải cách giáo dục như hiện nay thì nhà trường cần được hiểu vừa là cơ sở phúc lợi, vừa là một cơ sở kinh doanh cho tương lai. Giáo dục nhà trường – đòi hỏi phải thống nhất từ hình thức đến nội dung giảng dạy, giữa dạy tốt và học tốt- thể hiện chiến lược con người là vốn quý nhất. Do vậy hệ thống giáo dục cũng thường xuyên phải cập nhật những đổi thay của xã hội để kịp thời thay đổi cho phù hợp

“Bất kỳ hệ thống trường học nào cũng gồm hai loại thành phần. Loại thứ nhất là toàn bộ những cơ cấu ổn định và phương pháp giảng dạy đã được xác lập, hay nói gọn hơn là thể chế. Đồng thời trong bộ máy đó tồn tại tiềm tàng những tư tưởng tác động và đòi hỏi phải có sự thay đổi đối với bộ máy. Nhìn bên ngoài, giáo dục phổ thông giống như một loạt những cơ sở có tổ chức về vật chất và tinh thần cố định. Nhưng nhìn từ góc độ khác, tổ chức đó ẩn chứa những nhu cầu cần phải được thoả mãn. Ẩn sau sự tồn tại cố định và chắc chắn này là một cuộc sống khác đang tiếp diễn, cho dù mơ hồ, nhưng vẫn không kém phần quan trọng”.

[E. Durkheim, ‘L’évolution et le rôle de l’enseignement secondaire en France’, Education et sociologie, 1905, trang 122]a

Durkheim đã dùng phương pháp phân tích, chỉ ra lịch sử phát triển của nền giáo dục trung học và tiểu học từ thời Trung Cổ được đánh dấu bởi một loạt những thay đổi tạo ra do những thay đổi về khuynh hướng chính trị và kinh tế, từ sự xuất hiện của những nhu cầu mới và tác động của những thay đổi này đến việc giảng dạy. Những thay đổi đó còn xuất phát từ những khát vọng sự phạm độc lập mới mẻ.

→ *Hệ thống trường học phải luôn luôn thay đổi cho phù hợp với sự phát triển chung của xã hội.*

3. Vai trò người nhân viên xã hội trường học như là người tư vấn, tham vấn, thành viên của trường học và định hướng nghề nghiệp cho học sinh

Nếu nhiệm vụ của nhà trường chỉ là truyền thụ kiến thức khoa học cho học sinh thì nhiệm vụ đó khá dễ dàng. Thế nhưng ngoài việc học tập, các em học sinh của chúng ta còn gặp rất nhiều điều của cuộc sống thực tế như: đói nghèo, thuốc lá hay ma túy, bị bắt nạt, lạm dụng tình dục, xáo trộn của gia đình....những điều gây trở ngại không nhỏ cho việc học tập của các em. Vì thế mà trong nhà trường cần phải có nhân viên xã hội(NVXH) chuyên nghiệp để giúp nhà trường và thầy cô giải quyết phần “phụ” nhưng không kém phần quan trọng trong việc đào tạo thế hệ tương lai của đất nước.

NVXH học đường sẽ giải quyết những công việc mà thầy cô bỏ sót do quá bận bịu với công tác giảng dạy. Đặc biệt là ở những trường quá tải với những lớp học hơn 50 -60 học sinh. Họ là những nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp nên có kiến thức và kỹ năng cần thiết để giải quyết những rắc rối về tâm lý xã hội mà học sinh đang trải qua thông qua tư vấn, tham vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh...từng bước giúp các em gặp khó khăn trong cuộc sống và học tập tốt hơn.

Tư vấn (Consultation) được xem như là một quá trình tham khảo về lời khuyên hay sự trao đổi quan điểm về vấn đề nào đó để đi tới quyết định . Tư vấn có thể được xem là mối quan hệ mà ở đó người chuyên gia đưa ra sự trợ giúp cho cá nhân hay tổ chức có nhu cầu giải quyết vấn đề khó khăn (A.M.Dauherty, 1990). Hay là “Tư vấn chính là việc tôi và anh cùng nói về người đó, điều đó nhằm mục đích để thay đổi”(M.Fall, 1995).

Tư vấn học đường là một bộ phận của tư vấn tâm lý giáo dục được xem là tham vấn trong môi trường học đường và kết quả của quá trình tham vấn này không chỉ có trên cơ sở một sự kiện hay một tình huống ổn định mà còn xuất phát từ những

đặc điểm tâm lý cá biệt của chủ thể hoặc hoàn cảnh xuất hiện các sự kiện ấy. Tư vấn học đường là một công tác mang đậm tính nghề nghiệp, khoa học, nghệ thuật...

Thầy cô giáo không phải lúc nào cũng cảm thấy dễ dàng khi phải chọn một quyết định, nhất là đối với những trường hợp xảy ra không đúng “Quy cách sư phạm” hay không phù hợp với các chuẩn mực giáo dục bình thường. Trong nhiều trường hợp, NVXH học đường có thể cung cấp cho các nhà quản lý giáo dục, cho các giáo viên và phụ huynh học sinh những thông tin cần thiết về những trường hợp học sinh có hành vi sai lệch để kịp thời điều chỉnh.

4. THAM VẤN

Tham vấn (Conseling) là một kỹ thuật trợ giúp trong CTXH cá nhân và việc cho lời khuyên là một kỹ thuật của tham vấn (Grace M , 1998). Lời khuyên đó không nên mang tính áp đặt mà cần khách quan, phù hợp với nhu cầu của đối tượng được xác định trên cơ sở thảo luận và dựa vào kiến thức chuyên môn. Ngoài ra, tham vấn còn được hiểu là một quá trình tương tác giữa một bên là nhà tham vấn (người có chuyên môn, kỹ năng, phẩm chất của nghề tham vấn) và một bên là thân chủ (người đang có khó khăn về vấn đề tâm lý cần giải quyết)

THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG

Tham vấn học đường được hiểu là một quá trình tương tác giữa người làm công tác tham vấn và những học sinh đang có những khó khăn, thắc mắc về tâm lý, về đời sống, về học tập, giao tiếp xã hội... cần được giúp đỡ nhằm khơi gợi tiềm năng của họ tự giải quyết những vấn đề của mình, ổn định cuộc sống, phát triển nhân cách đúng mức. Những NVXH học đường này có mặt trong trường học để nghe trẻ nói, trẻ giải bày, trẻ tự chất vấn những khó khăn của mình theo một cách mà trẻ tự tìm ra cách thay đổi hoàn cảnh, thay đổi bản thân. Từ đó huy động năng lực học tập vào những hoạt động tích cực.

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG

Sự xuất hiện của NVXH học đường bắt nguồn từ những nhu cầu được tư vấn chủ yếu là của học sinh bởi đặc điểm tâm sinh lý có nhiều thay đổi, biến động của tình hình xã hội phức tạp và có nhiều vấn đề nảy sinh trong học tập và rèn luyện.

Định hướng nghề là việc xác định những nghề mà học sinh có thể tham gia, lựa chọn, phù hợp với hứng thú và sở trường của mình, đồng thời hứa hẹn có thể làm việc lâu dài và đạt thành tích trong nghề.

Muốn định hướng đúng, người chọn nghề phải có những thông tin cần thiết về yêu cầu của nghề đặt ra với người lao động cũng như những thông tin về thị trường lao động

Như vậy, với những học sinh cuối cấp Trung học phổ thông, NVXH học đường còn có nhiệm vụ phát triển những chương trình chuyển giai đoạn giúp các em chuẩn bị tốt cho việc bước vào một môi trường sống lớn hơn với nhiều trách nhiệm và nghĩa vụ hơn như vào Đại học, học nghề hoặc đi làm kiếm sống.

Bên cạnh vai trò là người tham vấn, tư vấn và định hướng nghề nghiệp trong tương lai cho học sinh thì NVXH học đường còn là một trong những thành viên của trường học, còn có thể giúp thầy cô giải quyết những vấn đề tâm lý cá nhân, điều ảnh hưởng không ít đến chất lượng giảng dạy và cách ứng xử của họ với học sinh của mình

Câu chuyện của em Huỳnh Thị Ngọc Trâm ở Đồng Tháp là một chứng minh khác cho sự cần thiết của NVXH học đường. Em Trâm sẽ không ở tình trạng chần chừ và hoảng loạn tâm thần như hiện giờ nếu như trường của em có một NVXH. Người NVXH này sẽ nhẹ nhàng và kiên nhẫn lắng nghe em và các bạn (chứ không vội vàng nóng nảy như ông hiệu trưởng hay thầy tổng phụ trách đội) để giúp các em tìm ra nguyên nhân dẫn đến việc mất cắp và từ đó giúp học sinh giải quyết được những vấn đề của mình (ví dụ như gia đình khó khăn) hay giúp em chỉnh đốn hành vi (do suy nghĩ lệch lạc) mà lớn dần lên.